

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NGÂN HOA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NGÂN HOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGAN HOA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110734236

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 145 Phạm Văn Đồng, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
7.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
8.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
9.	In ấn	1811
10.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
11.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm)	1820
12.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
13.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
14.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
15.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
17.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
18.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211

19.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
20.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220(Chính)
21.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
22.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
23.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
24.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
25.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
26.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
27.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
28.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
31.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
32.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
33.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
34.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
35.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Xây dựng nhà không để ở	4102
38.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
39.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
40.	Xây dựng công trình điện	4221
41.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
42.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
43.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
44.	Xây dựng công trình thủy	4291
45.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
46.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
47.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
48.	Phá dỡ	4311
49.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
50.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
51.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
52.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
53.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

54.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm) (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
56.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện Nhà nước cho phép)	4661
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
59.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
60.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
61.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
62.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
64.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
65.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
66.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết - Logistics - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển (Trừ hoạt động dịch vụ hàng không và hoa tiêu)	5229
72.	Bưu chính Chi tiết: Dịch vụ bưu chính	5310
73.	Chuyển phát	5320
74.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
75.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310

76.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
77.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
78.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: - Quay video: đám cưới, hội họp (Trừ sản xuất phim)	7420
79.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Không gồm Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hội phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
80.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
83.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
84.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
85.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

6. Vốn điều lệ: 100.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 10.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN HPT GLOBAL	Tầng 8 tòa nhà Sannam, số 78, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	60,000	0108360689	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	6.000	60.000.000	60,000		
2	NGUYỄN THỊ HẰNG	Thôn Khê Ngoại 4, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500	5.000.000	5,000	0011950427 04	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	500	5.000.000	5,000		

3	NGUYỄN VĂN PHẤN	Thôn Khê Ngoại 4, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500	35.000.000	35,000	0010860056 28
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	3.500	35.000.000	35,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN THI HẰNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 27/08/1995

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001195042704

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Khê Ngoại 4, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Khê Ngoại 4, Xã Văn Khê, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội